

CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1939 - 1945) VÀ THẾ GIỚI NGÀY NAY

Nguyễn Quốc Hùng *

Năm nay, nhân loại tiến bộ kỷ niệm lần thứ 65 ngày kết thúc cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Lịch sử như một dòng chảy, các thế hệ nhìn lại các sự kiện đã diễn ra trong quá khứ để tìm kiếm những kinh nghiệm, những bài học cho thế hệ của mình ngày hôm nay. Chiến tranh thế giới thứ hai là một sự kiện lớn, là cuộc chiến tranh lớn nhất, khốc liệt nhất trong lịch sử thế giới, đánh dấu một bước ngoặt căn bản trong nền chính trị thế giới và quan hệ quốc tế nửa sau thế kỷ XX.

Ngày 1/9/1939, cuộc chiến tranh bùng nổ, mà nguồn gốc sâu xa là hậu quả của sự phát triển không đều làm thay đổi lực lượng so sánh giữa các nước đế quốc dẫn tới những mâu thuẫn gay gắt về các vấn đề thị trường và thuộc địa. Cuộc đại khủng hoảng kinh tế thế giới những năm 1929 - 1933 càng làm sâu sắc hơn những mâu thuẫn đó, trở thành nguyên nhân trực tiếp dẫn tới cuộc chiến tranh thế giới. Kết quả là tới giữa những năm 30 đã hình thành 3 khối nước lớn với những chính sách đối ngoại khác nhau và khối các nước phát xít Đức – Italia – Nhật Bản và khối các nước đế quốc Anh – Pháp – Mỹ tuy mâu thuẫn với nhau nhưng lại cùng chung mưu đồ tiêu diệt Nhà nước Xôviết Xã hội chủ nghĩa. Như một kết cục không tránh khỏi của các chính sách tham tàn và ích kỷ của các nước phát xít và đế quốc, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã bùng nổ.

Cuộc chiến tranh kéo dài 6 năm có thể chia thành 2 giai đoạn chính.

Đặc điểm lớn nhất của *giai đoạn đầu từ tháng 9/1939 đến đầu năm 1943* là các cuộc tấn công xâm lược ồ ạt và những thắng lợi tạm thời của hai nước Đức phát xít và Nhật Bản quân phiệt. Chỉ trong vòng gần hai năm kể từ khi chiến tranh bùng nổ, quân Đức đã chiếm được hầu hết các nước châu Âu tư bản chủ nghĩa (trừ nước Anh và vài nước nhỏ khác) và phần lớn lãnh thổ Liên Xô thuộc châu Âu. Ở châu Á, từ sau trận Trân Châu cảng (12/1941) đến giữa năm 1942, trong

* Phó Giáo sư, Khoa Đông Phương học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

khoảng nửa năm quân đội Nhật đã đánh chiếm được toàn bộ các nước Đông Nam Á - hầu hết là thuộc địa của các nước thực dân phương Tây. Trước đó, quân Nhật đã tấn công xâm lược đất nước Trung Hoa rộng lớn từ Đông Bắc - Hoa Bắc đến Hoa Trung và Hoa Nam. Nhật Bản đã thống trị bán đảo Triều Tiên từ năm 1910. Các nước phát xít đã giành được nhiều thắng lợi trong giai đoạn này, thậm chí Đức và Nhật còn hẹn nhau sẽ hội quân ở Ấn Độ.

Không cam chịu khuất phục các thế lực phát xít, lực lượng yêu nước và nhân dân các nước bị chiếm đóng đã vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, kiên cường đấu tranh chống lại bọn ngoại bang xâm lược. Điều có ý nghĩa quyết định là 3 nước lớn Anh, Mỹ và Liên Xô đã vượt qua sự khác biệt về ý thức hệ và chế độ chính trị, khép lại những chống đối nhau trong quá khứ để liên minh cùng nhau đánh bại chủ nghĩa phát xít. Sự kiện tiêu biểu và cực kỳ quan trọng là trong bối cảnh quân đội các nước phát xít vẫn đang trong đà tấn công, ngày 1/1/1942, đại diện 26 nước với 3 cường quốc trụ cột Liên Xô - Mỹ - Anh đã gặp nhau tại Washington (Mỹ) ra bản *Tuyên ngôn chung* còn được gọi là *Tuyên ngôn Washington*. 26 nước cam kết dốc toàn bộ lực lượng quân sự và kinh tế, giúp đỡ và hợp tác cùng nhau trong công cuộc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít. Như thế, trên thực tế Khối Đồng minh chống phát xít đã được hình thành. Đó là một thắng lợi to lớn trong việc tập hợp lực lượng có quy mô toàn cầu, là một đảm bảo vững chắc cho chiến thắng cuối cùng.

Sau bản *Tuyên ngôn Washington* với chiến thắng của Hồng quân Liên Xô trong chiến dịch Stalingrat kéo dài tới 6 tháng bên bờ sông Volga (2/1943), một bước ngoặt căn bản mang tính chiến lược đã mở ra cho toàn bộ cục diện của cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Kể từ đầu năm 1943, cuộc chiến đã chuyển sang *giai đoạn thứ 2* từ đầu 1943 đến 9/1945) với đặc điểm bao trùm là quyền chủ động chiến lược đã thuộc về Liên Xô và các nước Đồng minh Mỹ và Anh; các nước phát xít Đức và Nhật Bản ngày càng lún sâu vào thế bị động chiến lược, không còn đủ sức mở các cuộc tấn công lớn. Ở châu Âu, từ đầu năm 1944, Hồng quân Liên Xô bắt đầu các chiến dịch phản công, giải phóng toàn bộ lãnh thổ Xôviết và liên quân Mỹ - Anh mở Mặt trận thứ hai đổ bộ vào nước Pháp (6/1944). Ở châu Á và Bắc Phi, liên quân Mỹ - Anh đã chuyển sang tấn công quân Nhật và quân Đức - Italia. Bị tổn thất nặng nề không thể bù đắp nổi, ngày tận số của chủ nghĩa phát xít chỉ còn tính theo tháng ngày. Sau những đòn phản công dữ dội của Hồng quân Liên Xô và liên quân Mỹ - Anh, đầu tháng 5/1945 nước Đức quốc xã đã đầu hàng không điều kiện. 4 tháng sau, vào đầu tháng 9/1945, đến lượt nước Nhật quân phiệt ký văn kiện đầu hàng không điều kiện.

Cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã kết thúc với chiến thắng oanh liệt của ba cường quốc Liên Xô - Mỹ - Anh và nhân dân các dân tộc đứng về phe Đồng

minh chống phát xít. Nhưng để có chiến thắng đó, các dân tộc đã phải chịu những hi sinh và tổn thất cực kỳ to lớn – hơn 50 triệu người chết, hơn 90 triệu người bị tàn tật và tổn thất một khối lượng khổng lồ về vật chất lên tới 4000 tỷ USD.

Càng lùi sâu vào quá khứ, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai càng ngời sáng những giá trị chính nghĩa và nhân văn cao cả cùng những bài học vẫn còn mang tính thời sự đối với ngày nay - những năm đầu của thế kỷ XXI - dù rằng thế giới đã có nhiều thay đổi to lớn.

Đó là vào đầu những năm 30 thế kỷ XX, chủ nghĩa phát xít ngày càng trở thành mối đe dọa khủng khiếp đối với các dân tộc, nhất là khi Hítler lên cầm quyền ở nước Đức. Cả nước Đức quốc xã đã biến thành “một trại lính và một xưởng đúc súng khổng lồ” với một chế độ chính trị là *nền chuyên chế khủng bố công khai* và một chính sách đối ngoại của *chủ nghĩa sô vanh đầy thú tính, xâm lược thả cửa đối với các dân tộc khác* (G. Dimitrov). Quân Đức đã xâm lược hàng loạt nước châu Âu với những hành động ngang ngược như đối với nước Áo hoặc trắng trợn chiếm đoạt vùng Xuyđét của Tiệp Khắc... Chúng đã tàn sát hơn 6 triệu người Do Thái. Chúng đã lập những trại tập trung khổng lồ, những lò thiêu người dã man bằng hơi ngạt giết chết hàng chục triệu người dân các nước châu Âu, chỉ riêng Ba Lan đã có tới hơn 6 triệu người bị chết trong chiến tranh. Ở châu Á, quân lính Nhật cũng không “thua kém”, chỉ trong vòng hơn một tháng chúng đã giết tới hơn 30 vạn người dân ở thành phố Nam Kinh (Trung Quốc) và ở Việt Nam 2 triệu đồng bào ta đã chết đói do chúng gây ra...

Sau Chiến tranh Lạnh, tuy nguy cơ chiến tranh thế giới đã bị đẩy lùi, hoà bình thế giới được củng cố nhưng ở nhiều khu vực lại bùng nổ những cuộc xung đột quân sự hoặc nội chiến đẫm máu... Bước sang năm đầu tiên của thế kỷ XXI, các dân tộc trên hành tinh lại phải đối mặt với một nguy cơ mới, một thảm hoạ mới là *chủ nghĩa khủng bố quốc tế* với sự kiện kinh hoàng ngày 11/9/2001 ở Mỹ như sự khởi đầu cho một giai đoạn mới của những hoạt động khủng bố đã có từ lâu trong lịch sử. Từ đó đến nay đã gần 10 năm, số các vụ khủng bố vẫn tiếp tục tăng lên, danh sách những người thiệt mạng ngày càng kéo dài và chưa biết đến bao giờ sẽ không còn nữa những đau thương tang tóc, những kinh hoàng khiếp đảm đó? Ký ức loài người mãi mãi vẫn hằn sâu cảm phần những thảm hoạ đẫm máu trên đảo Bali (Indonesia) tháng 10/2002, 3 nhà ga ở Madrid (Tây Ban Nha) đồng loạt bị đánh bom vào tháng 8/2003 làm 200 người chết và 1400 người bị thương, vụ bắt cóc con tin kiểu “nhà hát Đubrópka” ở trường trung học Betslan ở Nga đầu tháng 9/2004 làm 350 người chết, trong đó hơn nửa là trẻ em...; và gần đây nhất là vụ nổ bom ở hai nhà ga xe điện ngầm Lubyanka và Park Kultury ở ngay trung tâm thủ đô Matxcova ngày 29/3/2010 làm 38 người chết, 102 người bị

thương. Liên ngay sau đó bom lại nổ ở Cộng hoà Dagestan. Như thế, các dân tộc và cả loài người đã thật sự đứng trước một kẻ thù mới: *chủ nghĩa khủng bố quốc tế* mà bản chất cực đoan và tàn bạo của nó không khác gì chủ nghĩa phát xít giữa thế kỷ XX. Bởi chúng đánh bom liều chết nhằm vào dân thường, kể cả trẻ em, người già và phụ nữ, tàn phá những công trình văn hoá - lịch sử lâu đời, nhằm gây nên sự khiếp sợ và tâm lý hoang mang trong cộng đồng dân cư, đe dọa sự an toàn xã hội và an ninh quốc gia. Điều cực kỳ nguy hiểm là nếu bọn khủng bố lại có trong tay những vũ khí hiện đại, những vũ khí hạt nhân. Cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế đòi hỏi các dân tộc một lần nữa phải cùng nhau chung lòng, chung sức vì hoà bình an ninh chung của loài người. Gần đây, theo sáng kiến của Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama, tại Washington từ ngày 12 đến 15/4/2010, lần đầu tiên Hội nghị Thượng đỉnh An ninh hạt nhân đã được tiến hành với sự tham dự của 47 nguyên thủ các quốc gia, trong đó có Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng và lãnh đạo của 3 tổ chức quốc tế là Liên hợp quốc, Cơ quan năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA) và Liên minh châu Âu (EU). Chủ đề của Hội nghị là “Hành động quốc gia bảo đảm an ninh hạt nhân” nhằm duy trì hoà bình an ninh thế giới, thực thi các nỗ lực giải trừ và không phổ biến vũ khí hạt nhân, đặc biệt ngăn chặn không để vũ khí, vật liệu và công nghệ hạt nhân rơi vào tay các tổ chức khủng bố quốc tế. Đó là một cố gắng hợp tác chung của dân tộc trong tình hình thế giới ngày nay vì *an ninh hạt nhân, chống khủng bố hạt nhân*.

Chiến tranh thế giới thứ hai đã để lại nhiều bài học tham khảo cho sự hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc có các chế độ chính trị - xã hội khác nhau, tiêu biểu là sự liên minh chống phát xít giữa 3 cường quốc Liên Xô, Hoa Kỳ và Anh. Ngay sau khi nhận được tin phát xít Đức mở cuộc tấn công vào Liên Xô rạng sáng 22/6/1941, Thủ tướng Anh W. Churchill đã thò phào nhẹ nhõm và tuyên bố trên đài phát thanh: Nước Anh đứng về phía Liên Xô, rằng “sẽ viện trợ kinh tế và kỹ thuật cho Liên Xô với khả năng của chúng ta và có ích cho họ”, bởi lúc đó, nước Anh đang chơi voi ngoài khơi Đại Tây Dương, đơn độc chống phát xít, dù rằng ông là một người khét tiếng chống cộng, từng nhận là người số 1 chống chủ nghĩa cộng sản. Vì sự tồn vong của nước Anh, Churchill đã buộc phải thay đổi và bắt tay cùng Liên Xô chống phát xít. Một ngày sau, 23/6/1941, từ bên kia bờ Đại Tây Dương, thay mặt Chính phủ Mỹ, quyền Ngoại trưởng S. Welles tuyên bố: Nước Mỹ sẽ cùng Liên Xô chống chủ nghĩa Hitle và cung cấp viện trợ cho Liên Xô. Như thế, sự liên kết - đồng minh giữa 3 cường quốc Liên Xô - Mỹ - Anh đã hình thành, trở thành lực lượng trụ cột đưa tới thắng lợi cuối cùng của cuộc chiến tranh chống phát xít.

Ngày nay, cùng với cuộc chiến tranh chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, các dân tộc còn phải đương đầu với một loạt thách thức gay gắt khác đòi hỏi sự hợp

tác chặt chẽ, nhiều mặt và có hiệu quả giữa các dân tộc. Đó là tình trạng ô nhiễm môi trường sinh thái, lỗ thủng ở tầng ozon rộng tới 20 triệu km², các loại dịch bệnh xuyên lục địa lây lan nhanh chóng như HIV, đại dịch cúm A/H1N1 (làm chết hơn 9500 người)... và gần đây là hiện tượng *Trái đất ấm lên và sự biến đổi khí hậu* với bao hậu quả khôn lường. Sự hợp tác ngày nay đã có những dạng hình mới và nhiều thuận lợi hơn. Đó là ý thức hệ không còn là vấn đề phân chia ranh giới, rào cản như trước đây và hơn bao giờ hết thế giới ngày nay đã có tới khoảng 4000 tổ chức quốc tế gồm nhiều tầng nấc, quy mô, cơ chế khác nhau. Đó là những tổ chức có quy mô toàn cầu (như Liên hợp quốc, Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức Thương mại thế giới (WTO)...); hoặc ở phạm vi khu vực như Liên minh châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên minh châu Phi (AU)...; hoặc các diễn đàn mang tính thiết chế như Diễn đàn Kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC), Diễn đàn An ninh khu vực (ARF), Cộng đồng Đông Á (EAC)..., ngoài ra còn có tới hàng trăm tổ chức chuyên môn thuộc nhiều lĩnh vực như Cơ quan Năng lượng nguyên tử quốc tế (IAEA), Tổ chức Y tế thế giới (WHO), Tổ chức Khí tượng thế giới (WMO)... Nhờ đó, sự hợp tác quốc tế trên quy mô toàn cầu cũng như ở phạm vi khu vực đã có những tiến bộ, đạt được nhiều thành tích và hứa hẹn những triển vọng, mặc dầu đã và còn không ít khó khăn, phức tạp như sự chèn ép nhau giữa lợi ích quốc gia và toàn cầu, giữa các quốc gia trong cùng một tổ chức... Lúc này Trái đất như một ngôi nhà chung, các dân tộc cùng hợp tác phấn đấu để có một Trái đất xanh tươi, một nền hoà bình an ninh lâu dài, một nền kinh tế tăng trưởng bền vững và mức sống và chất lượng của các tầng lớp nhân dân không ngừng được nâng cao.

Như một hệ quả ngoài ý muốn của các nước phát xít và đế quốc khi tiến hành cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai là ý thức dân tộc, ý chí độc lập của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc ngày càng được đề cao và khẳng định như một mục tiêu đấu tranh giải phóng của họ. Trong thời kỳ chiến tranh, hầu hết các dân tộc đều cầm vũ khí, gan góc tiến hành cuộc đấu tranh chống bọn phát xít chiếm đóng và đã giáng cho chúng những tổn thất nặng nề, góp phần quan trọng trong chiến thắng cùng các nước Đồng minh. Đó là các cuộc đấu tranh kiên cường của nhân dân Trung Quốc, Triều Tiên, Việt Nam và nhiều nước khác... Nhưng sau chiến tranh, họ lại bị đối xử hết sức bất công, vẫn bị coi là đối tượng để chủ nghĩa đế quốc áp bức, bóc lột, trong khi tại Hội nghị Yalta (2/1945), các nước Đồng minh đã thoả thuận: sau chiến tranh, các vùng Đông Nam Á, Nam Á và Tây Á vẫn thuộc phạm vi ảnh hưởng của các nước phương Tây – nghĩa là các nơi này vẫn là thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc.

Không chấp nhận những thoả thuận bất công trên, nhân dân các nước Đông Nam Á đã nhất tề nổi dậy, khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. Các lực lượng

yêu nước ở Indonesia, Việt Nam và Lào đã giành được thắng lợi với sự ra đời của các Nhà nước mới. Với bản chất thực dân tham tàn, các nước đế quốc không cam chịu nhìn sự sụp đổ của hệ thống thuộc địa ở Đông Nam Á đã ngay lập tức từ cuối năm 1945 tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa: Mỹ quay trở lại Philippines; Hà Lan nổ súng ở Indonesia; Pháp lần lượt tiến đánh Việt Nam, Lào và Campuchia; Anh trở lại Malaysia và Myanmar. Cuộc chiến đấu diễn ra rất không cân sức, nhân dân Đông Nam Á phải chịu đựng những hi sinh, khó khăn gian khổ và sau nhiều năm mới giành lại được độc lập dân tộc. Như một phản ứng dây chuyền, trong bối cảnh thế giới mới với sự tồn tại của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước Á, Phi, Mỹ Latin diễn ra sôi nổi như một cao trào không gì ngăn cản nổi. Kết quả là tới giữa những năm 90 thế kỷ trước, hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc - thực dân đã hoàn toàn sụp đổ. Các nước Á, Phi và Mỹ Latin đã giành được độc lập.

Sau khi giành được độc lập, các nước Á, Phi và Mỹ Latin đều bắt tay vào công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Công cuộc xóa bỏ nghèo nàn lạc hậu, xây dựng và phát triển đất nước thật không dễ dàng, bằng phẳng. Nhìn lại, ngay từ khá sớm, Hội nghị cấp cao lần thứ tư Phong trào Không liên kết (NAM) họp tại Angiê (thủ đô Angiêri) năm 1973 lần đầu tiên đã thông qua bản Tuyên bố kinh tế với nội dung “Đấu tranh thiết lập một Trật tự kinh tế thế giới mới”, đòi quyền làm chủ các tài nguyên thiên nhiên của xứ sở, tiến hành các cải cách kinh tế và xã hội, đòi các nước phương Tây viện trợ kinh tế kỹ thuật và có quan hệ kinh tế thương mại bình đẳng với các nước Á, Phi và Mỹ Latin... Từ đó đến nay, một số nước đã có những tiến bộ, thu được nhiều thành tựu to lớn, đưa tới sự thay đổi căn bản bộ mặt của đất nước. Nhưng do nhiều nguyên nhân, số đông các nước Á, Phi, Mỹ Latin còn gặp nhiều khó khăn, thậm chí nhiều nơi còn là những mảnh tối tăm. Đó là tình trạng xung đột bạo lực triền miên, các loại dịch bệnh và tội phạm tràn lan, thất nghiệp trầm trọng và đói nghèo cơ cực dai dẳng... mà tất cả như một cái vòng luẩn quẩn, cái này là nguyên nhân của cái kia, cái kia lại là hậu quả của cái khác... Kết quả là nhiều nước ở Á, Phi và Mỹ Latin nợ nần chồng chất, cái hố giàu nghèo trong nước ngày càng chênh lệch, khoảng cách thu nhập theo đầu người ngày càng rộng ra so với các nước tư bản phát triển. Sự bất công, thua thiệt của các nước NAM trong quan hệ với các nước BẮC đã trở thành một thách thức lớn của thế giới ngày nay.

65 năm đã trôi qua. Nhìn lại, nhân dân ta thật tự hào đã có những đóng góp xứng đáng trong Chiến thắng vĩ đại đánh bại chủ nghĩa phát xít, đã có người Việt Nam cầm súng chiến đấu và ngã xuống để bảo vệ thành phố Matxcova cuối năm 1941.

Tháng 4/2010